

## KẾ HOẠCH Triển khai nhiệm vụ vận hành Hội nghị Truyền hình Trực tuyến

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc thành lập Thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí vận hành Hội nghị Truyền hình Trực tuyến.

Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ vận hành Hội nghị Truyền hình Trực tuyến cho các đơn vị năm 2026 như sau:

### I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

#### 1. Mục tiêu

- Triển khai vận hành thiết bị, hạ tầng kỹ thuật kết nối thông suốt mạng trực tuyến tới các điểm cầu trong toàn Thành phố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, liên thông kết nối theo quy định phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp gồm các đơn vị Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Đồng Nai.

#### 2. Yêu cầu

- Đảm bảo vận hành thiết bị, hạ tầng kỹ thuật kết nối thông suốt mạng trực tuyến tới các điểm cầu trong toàn Thành phố.

- Kịp thời khắc phục, chỉnh sửa các lỗi nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, liên thông kết nối theo quy định phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp.

### II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

## **Tên nhiệm vụ: Vận hành Hội nghị Truyền hình Trực tuyến**

### **1. Nội dung:**

- Vận hành thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, kiểm tra tín hiệu đường truyền, thực hiện kết nối điểm cầu các đơn vị.
- Theo dõi kiểm tra, xử lý sự cố thiết bị, phối hợp khắc phục, xử lý sự cố đường truyền khi hệ thống mất kết nối, hỗ trợ các đơn vị báo cáo (nếu có).
- Hỗ trợ khắc phục sự cố cho các đơn vị qua hình thức hỗ trợ qua điện thoại và mạng xã hội.

**2. Phạm vi thực hiện:** Các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Đồng Nai.

**3. Thời gian thực hiện:** Năm 2026.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Dự toán kinh phí: **533.986.830 đồng** (*Năm trăm ba mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng*). Đính kèm dự toán chi tiết.
- Nguồn kinh phí: nguồn kinh phí sự nghiệp theo Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Chuyên đổi số**

- Tham mưu Giám đốc sở thủ tục để giao nhiệm vụ cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này.
- Theo dõi, đôn đốc Trung tâm Khoa học và Công nghệ thực hiện đúng các nội dung kế hoạch.
- Định kỳ hàng tháng hoặc hàng Quý phối hợp với Trung tâm Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả triển khai vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình theo Kế hoạch này.
- Phối hợp cùng với Trung tâm Khoa học và Công nghệ, Phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện nghiệm thu đánh giá nhiệm vụ đã thực hiện phục vụ nghiệm thu kết quả thực hiện.

#### **2. Trung tâm Khoa học và Công nghệ**

- Tổ chức triển khai hướng dẫn, vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến theo nhiệm vụ được giao tại phần II.
- Phối hợp với Phòng Chuyên đổi số và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ, mục tiêu và nội dung đã đề ra.
- Định kỳ hàng tháng hoặc Quý phối hợp cùng phòng Chuyên đổi số báo cáo kết quả triển khai vận hành hệ thống về Sở Khoa học và Công nghệ.
- Tổ chức thực hiện nghiệm thu kết quả thực hiện sau khi kết thúc nhiệm vụ được giao.

### **3. Phòng Kế hoạch - Tài chính**

- Thẩm định dự toán (nếu có), tham mưu Giám đốc Sở giao dự toán kinh phí cho Trung tâm để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm đúng tiến độ trên cơ sở Quyết định giao nhiệm vụ đã được phê duyệt; Phối hợp Trung tâm Khoa học và Công nghệ, phòng Chuyển đổi số trong việc sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai nhiệm vụ: Vận hành Hội nghị Truyền hình Trực tuyến của Sở Khoa học và Công nghệ./.

***Nơi nhận:***

- Ban Giám đốc Sở;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Trung tâm KH&CN;
- Lưu: VT, CDS, KHTC;

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Trinh**

**PHỤ LỤC 01**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ**

*Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCCN ngày tháng năm 2026 của Sở KHCCN*

*Đơn vị tính: VNĐ*

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	<b>Vận hành Hội nghị Truyền hình Trực tuyến</b>				<b>533.986.830</b>	
1	Vận hành kiểm tra	Cuộc họp	240	481.835	115.640.460	<i>- Phụ lục 02, 03, 04. - Thời gian thực hiện 12 tháng và ước lượng tần suất 20 cuộc họp với khoảng 20 phiên họp/01 tháng. - Ước lượng chi phí vận hành phiên họp được tính cho phiên họp có 01 điểm cầu chính và 95 đơn vị xã, phường tham dự. Khi tính chi phí thực hiện sẽ theo số lượng điểm cầu tham dự thực tế từng phiên họp</i>
2	Vận hành chính thức	Phiên họp	240	333.450	80.028.000	
3	Hỗ trợ kỹ thuật các điểm cầu phụ	Điểm cầu phụ	22.800	14.839	338.318.370	

**\*Ghi chú:**

*- Xác định đơn giá nhân công: mục 1 phần II tại Quyết định số 320/QĐ-BKHCCN ngày 30/3/2025 là đơn giá nhân công trực tiếp (không hao phí lao động) theo công thức hướng dẫn Phụ lục 5 của Thông tư 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.*

*\* Chi phí nhân công: Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ về mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.*

*\* Cấp bậc, hệ số lương nhân công: Bảng 2 mục 2 phần II tại Quyết định số 320/QĐ-BKHCCN ngày 30/3/2025.*

*- Số lượng: Thực hiện theo số lượng máy tại các đơn vị Sở, Ban, Ngành và 95 Phường, xã ở Phụ lục 05.*

*- Hỗ trợ kỹ thuật thực hiện cho tất cả các đơn vị trước và trong thời gian diễn ra lượt họp.*

**PHỤ LỤC 02**

Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCCN ngày tháng năm 2026 của Sở KHCCN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số ngày công	Số người làm việc	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Phối hợp kiểm tra và kết nối tín hiệu đường truyền, âm thanh, camera tại điểm cầu chính (04 giờ /quy trình/kỹ sư bậc 3)	Ngày/người	0,5	1	333.450	166.725	<i>Chi phí vận hành kiểm tra là hỗ trợ trực tiếp hoặc trực tuyến và phối hợp với cán bộ kỹ thuật phụ trách tại các điểm cầu chính và phụ trước khi thực hiện phiên họp chính thức.</i>
2	Vận hành hệ thống thiết bị HNTH để các điểm cầu phụ tiến hành kết nối kiểm tra (04 giờ /quy trình/kỹ sư bậc 3)	Ngày/người	0,5	1	333.450	166.725	
3	Phối hợp khắc phục, xử lý sự cố đường truyền khi hệ thống mất kết nối; phối hợp xử lý sự cố kết nối, âm thanh, camera giữa các điểm cầu phụ và cầu chính (04 giờ /quy trình/kỹ sư bậc 2)	Ngày/người	0,5	1	296.771	148.385	
<b>Chi phí vận hành kiểm tra</b>						<b>481.835</b>	

**PHỤ LỤC 03**

Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở KHCN  
(Đơn vị tính: VND)

<b>ST T</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số ngày công</b>	<b>Số người làm việc</b>	<b>Đơn giá (đồng)</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Vận hành hệ thống thiết bị HNTT; Phối hợp khắc phục, xử lý sự cố kết nối các điểm cầu, hệ thống MCU (04 giờ /quy trình/kỹ sư bậc 3)	Ngày/người	0,5	2	333.450	333.450	- Ước lượng một phiên họp 03 giờ, thời gian chuẩn bị kết nối cuộc họp 01 giờ. - Chi phí vận hành là hỗ trợ trực tiếp hoặc online và phối hợp với cán bộ kỹ thuật phụ trách tại điểm cầu chính
<b>Chi phí vận hành chính thức</b>						<b>333.450</b>	

**PHỤ LỤC 04**

Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở KHCN

(Đơn vị tính: VNĐ)

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Thời gian hỗ trợ (ngày)	Nhân công hỗ trợ 01 điểm cầu	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ kỹ thuật cho điểm cầu phụ từ xa trong phiên họp chính thức (kiểm tra kết nối giữa điểm cầu chính và điểm cầu đơn vị; kiểm tra âm thanh, hình ảnh kết nối; hỗ trợ và hướng dẫn xử lý sự cố) (01 đơn vị/ 01 phiên họp) (Kỹ sư bậc 2)	01 đơn vị/01 phiên họp	0,5	0,1	296.771	14.839	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ước lượng một phiên họp 03 giờ, thời gian chuẩn bị kết nối cuộc họp 01 giờ.</li><li>- Hỗ trợ kỹ thuật online và phối hợp từ xa với cán bộ kỹ thuật phụ trách tại điểm cầu phụ</li><li>- 01 kỹ sư bậc 2 đảm nhiệm hỗ trợ cho 10 điểm cầu phụ</li></ul>
<b>Chi phí hỗ trợ kỹ thuật 01 điểm cầu phụ</b>						<b>14.839</b>	

**PHỤ LỤC 05***Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở KHCN*

1	Phường Biên Hòa	39	Xã Xuân Đường	77	Phường Phước Bình
2	Phường Trấn Biên	40	Xã Cẩm Mỹ	78	Phường Phước Long
3	Phường Trảng Dài	41	Xã Sông Ray	79	Xã Bình Tân
4	Phường Tam Hiệp	42	Xã Xuân Đông	80	Xã Long Hà
5	Phường Long Bình	43	Xã La Ngà	81	Xã Phú Riềng
6	Phường Hồ Nai	44	Xã Định Quán	82	Xã Phú Trung
7	Phường Long Hưng	45	Xã Thanh Sơn	83	Xã Thuận Lợi
8	Phường Phước Tân	46	Xã Phú Vinh	84	Xã Đồng Tâm
9	Phường Tam Phước	47	Xã Phú Hòa	85	Xã Tân Lợi
10	Phường Bình Lộc	48	Xã Tà Lài	86	Phường Đồng Phú
11	Phường Long Khánh	49	Xã Nam Cát	87	Xã Tân Tiến
12	Phường Bảo Vinh	50	Phường Tân Phú	88	Xã Thiện Hưng
13	Phường Xuân Lập	51	Xã Phú Lâm	89	Xã Hưng Phước
14	Phường Hàng Gòn	52	Xã Đak Lua	90	Xã Phước Sơn
15	Phường Tân Triều	53	Xã Phú Lý	91	Xã Nghĩa Trung
16	Xã An Phước	54	Phường Trị An	92	Xã Bù Đăng
17	Xã Bình An	55	Xã Tân An	93	Xã Thọ Sơn
18	Phường Long Thành	56	Phường Bình Phước	94	Xã Đak Nhau
19	Xã Long Phước	57	Phường Đồng Xoài	95	Xã Bom Bo
20	Xã Phước Thái	58	Phường Minh Hưng	96	Văn phòng Tỉnh ủy
21	Xã Đại Phước	59	Xã Nha Bích	97	Văn phòng UBND tỉnh
22	Phường Nhơn Trạch	60	Phường Chơn Thành	98	Sở Tài chính
23	Xã Phước An	61	Xã Lộc Thành	99	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch
24	Xã Bình Minh	62	Phường Lộc Ninh	100	Sở Nông nghiệp Môi trường
25	Phường Trảng Bom	63	Xã Lộc Hưng	101	Sở Khoa học Công nghệ
26	Xã An Viên	64	Xã Lộc Tấn	102	Sở Dân tộc Tôn giáo
27	Xã Bàu Hàm	65	Xã Lộc Thạnh	103	Sở Giáo dục Đào tạo
28	Xã Hưng Thịnh	66	Xã Lộc Quang	104	Sở Xây dựng
29	Phường Dầu Giây	67	Phường An Lộc	105	Sở Nội vụ

30	Xã Gia Kiệm	68	Phường Bình Long	106	Sở Y tế
31	Xã Thống Nhất	69	Xã Tân Quan	107	Sở Công thương
32	Xã Xuân Định	70	Xã Tân Hưng	108	Thanh Tra tỉnh
33	Xã Xuân Phú	71	Phường Tân Khai	109	Sở Tư pháp
34	Xã Xuân Hòa	72	Xã Minh Đức	110	Sở Ngoại vụ
35	Phường Xuân Lộc	73	Xã Bù Gia	111	Trung tâm Phục vụ HCC
36	Xã Xuân Thành	74	Xã Đăk Ô	112	Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
37	Xã Xuân Bắc	75	Xã Phú Nghĩa	113	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên
38	Xã Xuân Quế	76	Xã Đa Kia		